

I. Việt Nam với Biển Đông

Chúng ta đều biết hiện nay các ngành các cấp trong cả nước đang triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khoá X) của Đảng về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”.

Trước mặt, “chúng ta cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền biển, đảo nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp uỷ Đảng, các ngành, các tầng lớp nhân dân và vị trí chiến lược của biển, đảo nước ta. Phải đầu tư thực hiện mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển đảo của Tổ quốc” (Hàng dợt số 65 – HD/BTGTW ngày 26 / 11 / 2008 của Ban Tuyên giáo Trung ương).

Đây là một chuyển biến của cả lý và thực. “Mũi” là chủ đề của Nghị quyết Trung ương 4 của Đảng, “Chiến lược biển, đảo Việt Nam đến năm 2020” mới được chính thức đưa ra. Còn “cơ” là chủ đề ngàn xưa, từ tiền thân đã sớm xem biển Đông như một nhà cửa ngói của dân tộc.

Đôi đây xin nêu một vài điển hình.

Như sách đã chép, bà Lạc Long và mẹ Âu Cơ sau khi sinh hạ được 100 người con, đã cho một nhà theo cha và miền biển và một nhà theo mẹ và miền đất liền bồng chèo như trung du để làm nên sinh sống. Long Quân nói : “Nay phải chia ly, ta sẽ mang năm mươi con trai về Thuỵ phủ, chia trả các nợ ; còn năm mươi đứa sẽ theo mẹ ở trên đất, chia nợ ra mà cai trị. Nhưng lúc lên non xuống nước, có xảy ra việc gì, phải cùng chia sẻ, đùm bọc nhau” (Linh Nam chích quái, Hàng Bàng Thế truyền).

Riêng số người Việt sống và nghề biển này, cũng theo số chép, đã phải buớc tóc (hoác cắt tóc ngắn), xỏm hoa vụn trên người, để phòng các loài vật sống ở biển gây hại : “Thị bầy gi, dân ở miền núi (có thể hiểu là sống trên đất liền) xuống đánh cá ở dưới nước thường bị loài giao xà gây thủng t, bèn t bày việc y với vua (đây chế vua Hùng). Vua nói : “Giống sốn man khác với giống thú t; giống thú t của nhng cái giống mình và ghét nhng cái khác mình, cho nên chúng ta bị chúng gây hại”. Bèn ra lệnh cho ai n y l y m c xỏm vào người thành hình thú quái, t đó không còn lo xà long c n bị thủng n a. T c v mình (v n thân) của dân Bách Việt bắt đầu t đ y” (Hng Bng Th truy n). Nhiu sách c của Trung Quốc như Các Lng truy n (Ai Công th p tam niên) hay L ký (s n vào thi Tây Hán) cũng có chép việc này. Chng h n L ký (Vng ch) viết : “ông phng viết Di, bị phát v n thân = người ở phía ông gọi là Di, có t c bu c tóc, v mình”. Khng Dnh t (đi ng) chú thích : “Người Việt cắt tóc, v mình để cho loài giao long ở biển khỏi làm hại”.

Ngoài việc cung cấp các ngu n l i v thu s n, biển Đông còn là đường giao thông t n ích, t o đi u ki n cho người Việt c v n ra buôn bán và giao lưu v n hoá với nước ngoài. Theo truy n Ch m D Tr ch thì vào thi Hùng Vng, Công chúa Tiên Dung sau khi l y Ch ng T, đã b o chàng theo thng nh n ra nước ngoài buôn bán để m r ng việc làm n. Ng T t đó thng lnh đnh trên biển Đông. M t hôm các thng nh n ghé thuy n vào núi Quỳnh Vi để l y nước, ng T cũng theo lên núi d o chi. Trên núi có am c. M t v s am tên là Ph t Quang đã truy n phép Ph t cho ng T” (Lnh Nam chích quái. Nh t D Tr ch truy n).

Còn với các đảo khác ở biển Đông thì sao? V v n đ này, Truy n đ a h u đã cung cấp cho ta m t thông tin quan trng : “X a, vào đi Hùng Vng có viên quan Mai An Tiêm v n là người ngoi qu c, b y tám tu i đã theo thuy n buôn đ n nước ta, đ c vua mua v làm nô b c. T i khi trng thành, di n m o chng ch c, hi u bị t r ng rãi, đ c vua ban cho h là Mai, tên là Y n, hi u là An Tiêm ; l i ban cho m t người thi p, sinh đ c m t trai, m t gái. Vua r t tin yêu, giao cho công việc, An Tiêm đ n đ n tr nên giàu sang, ai n y đ u n trng. Quà cáp vào nhà không th gì là không có. An Tiêm t đó sinh kiêu cng, ng o m n, thng nói r ng số đ đ c nh ngày nay là do số ki p, ch chng phi n hu gì ở vua Hùng”. Th y An Tiêm kiêu m n, vua bèn đ u i Mai Y n ra bãi cát ngoài của biển Thán S n, n i b n bị không người qua l i đ th thách. Nh đ a vào lao đng, hai v chng An Tiêm đã phát tri n đ c ngh trng đ a h u trên đảo đ sng. Tinh th n t l p của Mai Y n đã khi n vua Hùng c m đng, nhà vua bèn tri u An Tiêm v và giao cho công việc nh c, đ t tên bãi cát (sa châu) mà An Tiêm đã khai phá là “bãi An Tiêm”.

Những câu chuyện trên đây dù ít nhiều còn mang tính huy ngôn thời, vãn ngôn nấu mọt sọt thọt : tở tiên ta tở xa xa đã nuôi chí khai thác biên đông. Nhiệm vụ của chúng ta ngày nay là phát huy truyền thống đó để thực hiện tởt “Chiến lược biên, đảo Việt Nam đến năm 2020” !

II. Việt Nam với các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Trước khi đi vào vãn đề này, tôi muốn trở lời một chút về cuộc Hội thảo khoa học quốc gia về “Lịch sử biên đảo Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 500 năm tởp bản đồ Hồng Kông” do Hội Trữc địa – Bản đồ – Viễn thám Việt Nam tở chức tởi Hà Nội vào năm 1990 mà tôi có tham gia.

Phát biểu nhiều nhất trong Hội thảo là hai vãn đề sau đây :

1. Các bản đồ của Việt Nam dõi thời Trung đõi.
2. Bản đồ Hồng Kông, cùng các dõ bản và tởc bản của nó.

Vãn đề thõ nhất, có khoõng 7 bản báo cáo, chõ yõu xoay quanh các nội dung nhõ thõng kê, phân loõi và tìm hiõu đõc đõm chung của các bản đồ Việt Nam thời Trung đõi. Tham luõn của tôi trong Hội thảo lõn đó là Bản đồ của Việt Nam (hiõn đã đõa lên Website của Viện Nghiên cứu Hán Nôm www.HANOM.ORG.VN), tởp trung giõi thiõu 49 tởp bản đồ (atlas) mà tôi đõc biõt tởi, trong đó có 41 tởp hiõn có tởi Viện Nghiên cứu Hán Nôm, và 8 tởp hiõn tàng trữ tởi mọt sọt Thõ viõn lõn ở Paris, Pháp (xem Kõ yõu Hội thảo khoa học quốc gia về Lịch sử biên đảo Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 500 năm tởp bản đồ Hồng Kông, Hà Nội 1990, tr. 148 – 159).

Vài nội dung thứ hai – Bản đồ Hồng Kông, có 6 bản báo cáo tốt đẹp. Đáng chú ý là trong những tham luận này, có một số trích tiếp đến các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, như tham luận của Vĩ Phi Hoàng với tiêu đề Về một bản bản đồ Việt Nam cổ thế kỷ XV; tham luận của Phạm Hân với tiêu đề Bản đồ cổ Việt Nam và công nghệ lãnh thổ nước ta thế kỷ XV đến XIX v.v. Có 2 bản tham luận vừa nêu đều nhắc tới công trình nghiên cứu công phu của G.M. Dumoutier, một phái viên của Bộ giáo dục Pháp làm việc tại Hà Nội vào khoảng cuối thế kỷ XIX. Công trình của Dumoutier được lưu giữ tại Thư viện Quốc gia Paris, mang ký hiệu 922, năm 1897. Trong tập nghiên cứu về “Hồng Kông bản đồ” của một tập tác giả do Bộ Quốc gia giáo dục Sài Gòn xuất bản năm 1962, phần Lời giới thiệu cũng có đến các quần đảo công trình nghiên cứu của Dumoutier, nhưng vì “chưa kịp xúc được” với phần tài liệu bản đồ in kèm theo công trình của nhà nghiên cứu người Pháp, nên các tác giả phỏng đoán phần tài liệu bản đồ này đại khái cũng giống như các bản đồ ở Q. 1 của Bộ Thiên Nam tứ chí lược thế ...

Sở dĩ các nhà nghiên cứu của ta được biết chú ý đến công trình của Dumoutier, là vì công trình này, Dumoutier có nói đến một số ghi chép trên bản đồ mà ông có dịp tiếp cận chứng tại Hoàng Sa, Trường Sa tại đời Lê đã được người Việt Nam khai thác. Một câu hỏi thế nó đặt ra: Vậy thì tập bản đồ mà Dumoutier dùng để nghiên cứu, rốt cục là bản đồ nào? Năm 1996, nhân đi công tác tại Pháp, tôi có dành ra một ít thì giờ để tìm hiểu về vấn đề này. Ở Thư viện Quốc gia Paris, tôi thấy có cuốn Bản đồ các hải đảo (Portulan) do người nước ngoài vẽ, nhưng thật đáng tiếc, về công trình nghiên cứu của Dumoutier lưu trữ tại đây thì chưa tìm được. Ở Thư viện Học viện Viện Đông Pháp, tôi thấy có cuốn Tỉn Lê Nam Việt bản đồ mô bản. Cuốn này ở Việt Nam chưa có, tôi bèn sao chép lại và mang về. Ở Thư viện Hiệp hội Châu Á có các cuốn như Bản đồ thế giới, Giao Châu chí, Sơ trình đồ họ, Toàn tập Thiên Nam lược đồ thế (4 cuốn này đều do gia đình H. Maspéro hiến tặng), Người Nam công nghệ giới vãng biên, Thu thập trình đồ. Trong số sách vừa nêu, cuốn Toàn tập Thiên Nam lược đồ thế ở Việt Nam cũng chưa có, nhưng một lần nữa thật đáng tiếc là tôi cũng chưa sao chép được.

Hai cuốn sách mà ở Việt Nam chưa có vừa nói, mang một số điểm đáng chú ý như sau:

1. Toàn tập Thiên Nam lược đồ thế: sách được chép lại vào năm Cảnh Hưng 2 (1741), 1 bản viết tay, 107 trang, khổ 30,4 x 16,2 cm. Ký hiệu SA. HM. 2241. Nội dung gồm bản đồ Tuyên Quang, Hồng Hoá Sơn Tây, Sơn Nam, Thanh Hoa, Nghệ An,

Thuận Hoá, Quảng Nam ... Có ghi hành trình b ờng đ ờng sông, đ ờng biển và đ ờng b ờ t ờ Kinh thành Thăng Long đ ờn các đ ờa ph ờng trong c ờ n ờc. Có th ờ v ờnh c ờnh c ờa các vua. Sách c ờ nát, m ờt s ờ trang đã đ ờc b ời vá l ời.

2. T ờn Lê Nam Việt b ờn đ ờ mô b ờn : g ờm 58 trang, kh ờ 32 x19 cm, v ờ b ờng bút màu, ký hi ờu EFEO. VIET/A/Géo 4. Ờây là t ờp b ờn đ ờ n ờc ta th ời Lê, g ờm b ờn đ ờ Thăng Long, b ờn đ ờ 13 th ờa tuyên và 2 b ờn đ ờ toàn qu ờc, do Phạm ờnh H ờ theo l ờnh vua v ờ xong vào ngày 1 tháng 8 n ờm Minh M ờnh th ờ 19 (1838), tr ờc khi ông m ờt 1 n ờm (Ch ờ “mô b ờn” trong tiêu đ ờ sách có ngh ờa là đ ờa vào b ờn g ờc mà đ ờ ra thành b ờn th ờ 2, c ờng nh ờ bây gi ờ ta nói v ờ c ờn ke v ờy).

Ờáng chú ý là 2 b ờn đ ờ toàn qu ờc trong t ờp atlas này, m ờt b ờn v ờ theo l ời c ờ, đ ờa lý n ờc ta ờ đây ch ờ vào t ời Quảng Nam (đ ờn Th ờch Bi), và ti ờp theo đó là Chiêm Thành. Còn b ờn th ờ hai thì v ờ theo l ời m ời : n ờc ta đ ờc v ờ theo hình ch ờ S, t ờ Lạng Sơn đ ờn m ời Cà Mau, có kèm theo các n ờc Lào, C ờm pu chia n ờa. Nói ng ờn g ờn, b ờn đ ờ th ờ nh ờt là v ờ đ ờa hình n ờc ta vào th ời Lê theo l ời v ờ truy ờn th ờng, còn b ờn đ ờ th ờ hai là v ờ đ ờa hình n ờc ta vào th ời Minh M ờng theo l ời v ờ đã ít nhi ờu ch ờu ờnh h ờng c ờa Khoa đ ờa lý h ờc ph ờng Tây. Trên vùng biển c ờa t ờm b ờn đ ờ th ờ hai này có v ờ m ờt s ờ qu ờn đ ờo mà tôi ch ờa k ờp nghiên c ờu, vì c ờ này xin đ ờ tìm hi ờu sau.

Xin nói thêm r ờng Phạm ờnh H ờ có so ờn cu ờn Càn khôn nh ờt l ờm dày 244 trang, trong đó có đ ờa lý Việt Nam và đ ờa lý m ờt s ờ n ờc lân c ờn. V ờ ph ờn đ ờa lý Việt Nam, có c ờ b ờn đ ờ Thăng Long và b ờn đ ờ 13 th ờa tuyên th ời H ờng ờc, cùng đ ờng giao thông thu ờ, b ờ v.v. mà chúng ta c ờn nghiên c ờu. Sách này Việt Hán Nôm đang có.

V ờ v ờn đ ờ ch ờ quy ờn Việt Nam đ ời v ời các qu ờn đ ờo Hoàng Sa, Tr ờng Sa (th ời c ờ g ời là “Bãi cát vàng ời Hoàng Sa - ời Tr ờng Sa”), ngoài nh ờng ghi chú trên các t ờp b ờn đ ờ tri ờu Lê nh ờ H ờng ờc b ờn đ ờ, T ờn t ờp Thiên Nam t ờ chí l ờ đ ờ v.v. mà nhi ờu tham lu ờn trong H ời th ờo qu ờc gia v ờ “L ờch s ờ b ờn đ ờ Việt Nam” cách đây 20 n ờm đã nh ờc t ời, ta còn th ờy có nh ờng ghi chép t ờng ờng trong Ph ờ biên t ờp l ờc c ờa Lê Quý ờôn hay ời Nam th ờc l ờc c ờa các s ờ gia tri ờu Nguy ờn.

Phụ biên tập lược cung cấp một số thông tin về hoạt động của các đảo Hoàng Sa, Bắc Hải liên quan đến người dân Quảng Ngãi dưới thời các chúa Nguyễn. Hội boy gi, theo ghi chép của Lê Quý Đôn, Hoàng Sa là thuộc vào sự cai quản của phủ Quảng Nghĩa. Hàng năm chúa Nguyễn lập đảo Hoàng Sa gồm 70 người, là các dân binh lấy từ người dân hai xã An Hải và An Vĩnh thuộc huyện Bình Sơn (nay An Hải thuộc huyện Bình Sơn, An Vĩnh thuộc huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi), sau đó là người phương An Hải và phương An Vĩnh thuộc đảo Lý Sơn (cù lao Ré) đi thuyền đến Hoàng Sa để tuồn phòng và khai thác đồi mồi, ba ba, hải sâm, san hô, đôi khi họ còn nhặt được các báu vật nữa. “Tết tháng giêng, họ đi nhận quy định rồi làm sai dịch và bắt đầu xuất phát. Mỗi người được cấp 6 tháng lương. Họ chèo năm chiếc thuyền câu nhỏ, sau đó ba ngày ba đêm thì đến đảo. Họ tha hồ lượm nhặt các thú vật và bắt chim bắt cá để làm thức ăn. Họ được các vật như gấm và ngựa đúc bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, thiếc khò, chì đen, súng ống, ngà voi, sáp ong vàng, đồ len d, đồ sứ ... Họ còn nhặt được vài đồi mồi, hải sâm và vô số vật quý. Đến tháng tám thì đảo Hoàng Sa lấy mồi về. Họ đến thành Phú Xuân trình nộp các thú đã lấy được. Người ta cân, kiểm tra, phân loại và biên nhận các vật, riêng kho bạc của ba ba, hải sâm thì cho phép đổi được tiền ý đem bán lấy tiền” (Phụ biên tập lược, Q.2).

Đảo Minh Mạng, các chức vụ của triều đình và việc đo vẽ các đảo Hoàng Sa lại càng thêm rõ. Sách của Nam học lược chính biên đề như K, Q.165 chép : “Năm Minh Mạng 17 (1836), B, Công tâu : “Hoàng Sa thuộc công việc một biên giới ta, rất hiểm yếu, từng sai vẽ bản đồ nhưng vì hình thù xa rộng nên mới chỉ vẽ được một nơi. Lại công chưa biết rõ nên làm thế nào. Hàng năm thường phái người đi xem xét cho khắp để thông thuộc đường biên. Xem từ năm nay về sau, mỗi khi đến hạn tuồn tháng giêng, chọn phái thu quân biên binh và giám thành đáp một chiếc thuyền ô nhóm thường tuồn tháng hai thì đến Quảng Ngãi, giao cho hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định thuê 4 chiếc thuyền của dân hàng đ ra xứ Hoàng Sa. Không cần là đảo nào, bãi cát nào, phạm khi thuyền đến một nơi tức thì chiếu chiếu dài, chiếu ngang, chiếu cao, chiếu rộng, chu vi và nước biên bên chung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thù hiểm trở hay bình dị thế nào phải xem xét đo đạc rõ ràng, vẽ thành bản đồ. Lại chiếu ngày khi hành, từ cửa biên nào ra khơi, nhóm phương hàng nào đi đến nơi ấy, cần cần vào thu trình đã qua, tính được được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy trông vào biên, đi thế nào là vào tỉnh hạt nào, phương hàng nào, được lượng cách biên biên chừng bao nhiêu dặm đều nhặt nhặt phải nói rõ, lên lên đem vẽ dâng trình”. Vua chu y lại tâu và năm đó cần suất để thu quân Phạm Hữu Nhật đưa quân ra Hoàng Sa”.

Có thể thấy Hoàng Sa, Trường Sa từ lâu đã trở thành một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam và các triều đại phong kiến nước ta từ Lê đến Nguyễn đã liên tục thực hiện

khai thác các nguồn lợi ở vùng biển đảo này, đó là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2009.

GS. Trần Nghĩa, Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm.